

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 5 – 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên – Ông Lê Huỳnh Sinh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 707/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh H, sinh năm 1984. (xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

Nơi cư trú hiện nay: Thôn T, Thị trấn TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Bà Tôn Nữ Quỳnh G, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Minh H trình bày: Ông và bà Tôn Nữ Quỳnh G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V vào ngày 28/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng có báo cáo tổ chức và tổ chức đám cưới tại phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Trong quá trình sinh sống từ năm 2011 đến năm 2017, cuộc sống vợ chồng bình thường, chưa có mâu thuẫn gì. Sau đó, đến khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2020, vợ ông có chơi số đề và chơi huê hụi lớn với một số người ở

khu vực Tháp Chàm, ông biết và đã nhiều lần khuyên can nhưng vợ nói là chỉ chơi nhỏ cho vui, chứ không có lạm sâu. Bản thân ông lúc đó cũng bận công việc ở cơ quan do đặc thù công việc, nên cũng ít khi ở nhà. Trong khoảng thời gian đó, vợ đã nhiều lần báo ông là làm ăn thua lỗ, nợ tiền người ta, giờ người ta đến nhà quây phá. Ông một phần lo cho vợ con, một phần sợ ảnh hưởng đến công việc, sợ các con nợ đến cơ quan quây phá nên ông phải đi mượn tiền nóng bên ngoài về trả nợ cho vợ. Ông đã trả rất nhiều lần, đến nay ông cũng không nhớ là bao nhiêu và vẫn còn nợ bên ngoài chưa trả hết. Bố mẹ ông ở quê thấy tình cảnh như vậy, thương hai đứa cháu nội nên cũng nhiều lần gửi tiền vào để trả nợ giùm.

Ngoài ra, trong cuộc sống vợ chồng sau thời điểm năm 2017 đến nay thường xuyên mâu thuẫn, vợ ông bản tính nóng nảy, nhiều lần chửi bới ông trước mặt mọi người; tuy nhiên ông vẫn bỏ qua, nghĩ nhin vì 02 đứa con còn nhỏ. Cuối năm 2019, ông đọc được những tin nhắn hẹn hò đi nhà nghỉ của vợ và bạn trai cũ của vợ là K, làm ở trên tàu hỏa Bắc Nam. Ông rất bức tức đã in những tin nhắn đó và mang về chất vấn vợ, vợ có thú nhận là trong thời gian ông đi học có đi khách sạn ngủ với K 01 lần (*Tòa án có thể gặp vợ ông để xác minh*). Từ đó, tình cảm của ông và vợ cũng lạnh nhạt dần. Một phần vì áp lực trả nợ tiền, một phần vì người đầu ấp tay gối lâu nay lừa dối mình. Đến khoảng tháng 10/2020, vợ ông làm đơn gửi tổ chức Công an tỉnh, Bộ Công an tố cáo ông ngoại tình, quan hệ bất chính. Sau đó, tổ chức Công an tỉnh xác minh và kết luận không có. Nhưng cũng chính từ đó, ông buồn chán và viết đơn xin ra khỏi ngành Công an và hiện nay không còn công tác trong ngành nữa.

Hiện nay, ông không còn tình cảm gì với vợ là bà Tôn Nữ Quỳnh G; bản thân vợ chồng ông cũng không còn có thể gặp mặt hay hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông và bà Tôn Nữ Quỳnh G.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Phương V – sinh ngày 28/11/2012 và Hoàng Uyên V1 – sinh ngày 26/9/2017. Khi ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà Tôn Nữ Quỳnh G nuôi dưỡng. Ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng/02 con. Tuy nhiên, tại đơn trình bày ngày 22/02/2023, ông H xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/02 con.

Do điều kiện công việc của ông gặp nhiều khó khăn, phải đi làm xa và đi lại nhiều nơi không có cố định nên ông đề nghị Tòa án xét xử, giải quyết vắng mặt ông tại các buổi làm việc hòa giải, phiên công khai chứng cứ và phiên xét xử.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định không có.

Tại bản khai ngày 13/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Tôn Nữ Quỳnh G trình bày: Bà và ông Hoàng Minh H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường V. Quá trình chung sống, vợ chồng không cãi vã đến năm 2014, ông H ngoại tình nhưng vì lý do con còn nhỏ nên bà tha thứ và tiếp tục chung sống. Đến năm 2021, bà phát hiện ông H tiếp tục ngoại tình, tuy nhiên lần này bà không thể tha thứ. Bà đã trực tiếp nói chuyện và đưa hình ảnh ngoại tình cho ông H xem và chấp nhận. Từ đó đến nay, ông H chuyển ra

ngoài sống cụ thể đang sinh sống ở đâu thì bà không biết. Nay bà cũng không còn tình cảm vợ chồng với ông H vì kể từ ngày ông H chuyển đi, vợ chồng cũng không liên lạc với nhau. Do đó, ông H đề nghị xin ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Phương V – sinh ngày 28/11/2012 và Hoàng Uyên V1 – sinh ngày 26/9/2017. Ly hôn, bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng các con vì từ trước đến nay các con đều sống cùng bà và được bà chăm sóc. Bà đề nghị ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 5.000.000 đồng/02 con (tức mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng).

Về tài sản chung: Bà G xác định không có.

Về nợ chung: Tại bản khai ngày 13/10/2023 bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tiền 3.000.000.000 đồng; đây là khoản nợ chung mà vợ chồng bà đã mượn của gia đình bà bao gồm căn nhà mặt tiền số 722 đường 21/8 và 01 cái rẫy bên NQ3. Tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 22/3/2023, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Hoàng Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H chỉ có lời khai và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Tôn Nữ Quỳnh G đã được Tòa án tổng đạt giấy báo tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Minh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Hoàng Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Tôn Nữ Quỳnh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Ông Hoàng Minh H và bà Tôn Nữ Quỳnh G tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 147/2010 ngày 28/12/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên nhân ông H xin ly hôn với bà G là do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nhất là sau thời điểm năm 2017 đến nay, vợ ông bản tính nóng nảy, nhiều lần chửi bới ông trước mặt mọi người. Cuối năm 2019, ông phát hiện vợ ông có hẹn hò với bạn trai cũ, từ đó tình cảm của ông và vợ cũng lạnh nhạt dần. Đến khoảng tháng 10/2020, vợ ông làm đơn gửi tổ chức Công an tỉnh, Bộ Công an tố cáo ông ngoại tình, quan hệ bất chính. Hiện ông không còn tình cảm gì với vợ là bà Tôn Nữ Quỳnh G; bản thân vợ chồng ông không còn có thể gặp mặt hay hàn gắn được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Tôn Nữ Quỳnh G xác nhận: Cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc. Do ông H ngoại tình, bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông H vẫn không thay đổi. Ông H đã chuyển ra ngoài sống từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Bản thân bà xác định cũng không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Như vậy, ông H và bà G có thời gian từ năm 2021 đến nay vợ chồng không liên lạc, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đã thật sự tự nguyện ly hôn. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hoàng Minh H với bà Tôn Nữ Quỳnh G.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà G xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Phương V – sinh ngày 28/11/2012 và Hoàng Uyên V1 – sinh ngày 26/9/2017. Hiện hai cháu đang ở cùng với bà G. Quá trình giải quyết vụ án, bà G đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 5.000.000 đồng/02 con (tức mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng).

[4.1] Xét yêu cầu nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2022, bản khai ngày 28/10/2022 và đơn trình bày ngày 22/02/2023, nguyên đơn ông H đồng ý giao 02 con chung cho bà Tôn Nữ Quỳnh G trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy ông H hiện đi làm ăn xa, điều kiện công việc phải đi lại nhiều và chưa có chỗ ở ổn định không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi ông H chuyển ra ngoài sống các con vẫn sống chung với bà G và được bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Mặt khác, cháu Phương V có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, bà G cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Giao con chung Hoàng Phương V – sinh ngày 28/11/2012 và Hoàng Uyên V1 – sinh ngày 26/9/2017 cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung. Sau khi ly hôn, ông H có quyền thăm nom con chung, không

ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Trường hợp ông H có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình

[4.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, bà G yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng/02 cháu (tức mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng).

Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2022, bản khai ngày 28/10/2022 nguyên đơn ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng/02 cháu; tuy nhiên tại đơn trình bày ngày 22/02/2023 ông H đồng ý thay đổi mức cấp dưỡng, cụ thể ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 cháu. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông H và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình, buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 cháu (tức là mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng) kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự túc được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

[5.1] Về tài sản chung: Ông H và bà G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5.2] Về nợ chung: Ông H không có yêu cầu gì. Tại bản khai ngày 13/10/2023 bà G yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tiền 3.000.000.000 đồng; vì bà cho rằng đây là khoản nợ chung mà vợ chồng bà đã mượn của gia đình bà bao gồm căn nhà mặt tiền số 722 đường 21/8 và 01 cái rẫy bên NQ3. Đối với yêu cầu này của bị đơn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có Thông báo yêu cầu bà G phải làm đơn cung cấp các chứng cứ kèm theo và nộp cho Tòa án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 01/3/2023. Tuy nhiên, đã hết thời hạn trên mà bà G không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án, và tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/3/2023 bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, bà G đã tự bỏ quyền yêu cầu của mình nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu bà G có tranh chấp về nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông Hoàng Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Minh H.

1. Về hôn nhân: Ông Hoàng Minh H được ly hôn với bà Tôn Nữ Quỳnh G.

2. Về con chung: Giao cho bà Tôn Nữ Quỳnh G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Phương V – sinh ngày 28/11/2012 và Hoàng Uyên V1 – sinh ngày 26/9/2017.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hoàng Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*)/02 con (tức là 2.500.000^d (*Hai triệu năm trăm đồng*)/01 tháng/01 con). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự túc được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Ông Hoàng Minh H phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004511 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Ông Hoàng Minh H còn phải nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - VKSND TP. PR-TC;
 - Chi cục THADS TP. PR-TC;
 - TAND tỉnh Ninh Thuận;
 - UBND phường V
- (Giấy CNKH số 147, quyển số 01,
ngày 28/12/2010);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Nguyễn Thanh Thảo

